

Vĩnh Cửu, ngày 04 tháng 4 năm 2024

Số: 35/2024/QĐST-HNGĐ

**QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THỎA
THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ khoản 4 Điều 397; Điều 212 và Điều 213 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ các Điều 55, 57, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số: 114/2024/TLST-VHNGĐ ngày 18/3/2024, về việc “Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn, thỏa thuận nuôi con”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

* Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:

1. Ông Nguyễn Xuân D, sinh năm 1980.

2. Bà Lê Ngọc T, sinh năm 1981.

Cùng địa chỉ: Khu phố H, thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Ông D, bà T tự nguyện tìm hiểu, tổ chức đám cưới và có đăng ký kết hôn tại UBND thị trấn V, huyện V, tỉnh Đồng Nai và đã được cấp giấy chứng nhận kết hôn số 18 ngày 20/01/2003. Vợ chồng chung sống hạnh phúc được thời gian đầu sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân do tính tình không hợp, vợ chồng ngày càng bất đồng quan điểm sống, vợ chồng không hiểu nhau nên thường xuyên cãi vã lẫn nhau.

Nay ông D, bà T xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn giữa vợ chồng ngày càng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không còn đạt được tôi đề nghị Tòa án giải quyết thuận tình ly hôn.

[2]. Về con chung: Có 02 con chung là cháu Nguyễn An K, sinh ngày 24/6/2003 và cháu Nguyễn An T1, sinh ngày 15/01/2006. Ly hôn do các con đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Ông D, bà T khai tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[4]. Về nợ chung: Ông D, bà T khai không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[5]. Về lệ phí việc dân sự: Ông **D**, bà **T** mỗi người phải chịu lệ phí theo quy định.

[6]. Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hòa giải thành ngày 27 tháng 3 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không trái pháp luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập Biên bản hòa giải đoàn tụ không thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Ông **Nguyễn Xuân D** và bà **Lê Ngọc T** thuận tình ly hôn.

- Về con chung: Ly hôn do cháu **Nguyễn An K**, sinh ngày 24/6/2003 và cháu **Nguyễn An T1**, sinh ngày 15/01/2006 đã trưởng thành và có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về lệ phí: Ông **D**, bà **T** mỗi người phải chịu 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) được trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng (một trăm năm mươi ngàn đồng) ông **D**, bà **T** đã nộp tại biên lai thu số 0009259 ngày 15/3/2024 và biên lai thu số 0009260 ngày 15/3/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- Chi cục THA dân sự huyện Vĩnh Cửu;
- UBND TT Vĩnh An, huyện Vĩnh Cửu, tỉnh Đồng Nai.
- Lưu hồ sơ việc dân sự.

THẨM PHÁN

Nguyễn Mạnh Tuấn